

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO

Km 1906+700, Quốc lộ 1A, khu phố 5, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, Tp.Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	9 - 33

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO

Km 1906+700, Quốc lộ 1A, khu phố 5, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Hạ tầng IDICO trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO được chuyển đổi từ Công ty TNHH BOT An Suong - An Lạc. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 4103008732 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 07/8/2020. Mã số doanh nghiệp được thay đổi thành 0302095576.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: IDICO INFRASTRUCTURE DEVELOPMENT INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt là: IDICO - IDI. JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4103008732 thay đổi lần thứ 06 ngày 07/8/2020 là: 249.492.000.000 VND (Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi chín tỷ, bốn trăm chín mươi hai triệu đồng).

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên sàn HOSE với mã chứng khoán HTI.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Km 1906+700, Quốc lộ 1A, khu phố 5, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Hồng Hải	Chủ tịch
Ông Lê Quốc Đạt	Thành viên
Ông Nguyễn Anh Dũng	Thành viên
Ông Khương Quốc Bình	Thành viên
Ông Trần Quốc Toàn	Thành viên độc lập (Bầu bổ sung từ ngày 27/4/2021)
Bà Trần Thúy Hương	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 27/4/2021)
Ông Nguyễn Vũ Minh Hồng	Thành viên độc lập (Miễn nhiệm từ ngày 27/4/2021)

Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Thọ	Trưởng ban
Ông Nguyễn Đăng Thanh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Minh Phương	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Quốc Đạt	Giám đốc
Ông Bùi Văn Dân	Phó Giám đốc
Ông Khương Quốc Bình	Phó Giám đốc
Ông Đoàn Văn Hùng	Phó Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO

Km 1906+700, Quốc lộ 1A, khu phố 5, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.


TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc, 



Lê Quốc Đạt
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2021

Số: 132/2021/BCSX-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO

Chúng tôi thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng IDICO, được lập ngày 11/8/2021, từ trang 05 đến trang 33, bao gồm Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/6/2021, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Bùi Thị Thúy****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2021/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2021 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30/6/2021

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2021	01/01/2021
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+130+140)	100		45.845.347.148	77.861.705.928
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	17.906.234.660	70.664.029.094
1. Tiền	111		5.574.996.771	11.259.388.094
2. Các khoản tương đương tiền	112		12.331.237.889	59.404.641.000
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		13.821.213.895	6.942.327.749
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	11.037.387.468	4.437.006.269
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.258.416.884	639.402.684
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	2.269.837.704	2.610.346.957
7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.4	(744.428.161)	(744.428.161)
IV- Hàng tồn kho	140	5.5	14.117.898.593	255.349.085
1. Hàng tồn kho	141		14.117.898.593	255.349.085
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		1.544.013.840.126	1.580.526.462.198
I Các khoản phải thu dài hạn	210		11.484.057	11.484.057
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.3	11.484.057	11.484.057
II Tài sản cố định	220		1.389.979.183.328	1.430.978.985.106
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	1.389.979.183.328	1.430.978.985.106
- Nguyên giá	222		2.557.231.867.923	2.556.488.879.893
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.167.252.684.595)	(1.125.509.894.787)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	-	-
- Nguyên giá	228		915.724.800	915.724.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(915.724.800)	(915.724.800)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		144.232.404.211	139.745.224.505
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.8	144.232.404.211	139.745.224.505
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI Tài sản dài hạn khác	260		9.790.768.530	9.790.768.530
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	5.9	9.790.768.530	9.790.768.530
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		1.589.859.187.274	1.658.388.168.126

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Tại ngày 30/6/2021

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2021	01/01/2021
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		1.109.735.998.610	1.204.827.633.865
I- Nợ ngắn hạn	310		24.557.426.288	55.281.061.543
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	11.165.691.424	18.490.964.478
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		6.100.000	2.400.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	4.777.977.336	4.178.916.648
4. Phải trả người lao động	314		1.593.824.983	1.804.730.113
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.765.346.727	1.891.074.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	2.357.570.560	26.696.974.181
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		2.890.915.258	2.216.002.123
II- Nợ dài hạn	330		1.085.178.572.322	1.149.546.572.322
8. Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn	338	5.14	876.363.201.706	953.731.201.706
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	5.13	208.815.370.616	195.815.370.616
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		480.123.188.664	453.560.534.261
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.15	480.123.188.664	453.560.534.261
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		249.492.000.000	249.492.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		249.492.000.000	249.492.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		164.586.458.199	164.586.458.199
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		66.044.730.465	39.482.076.062
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		37.057.837.927	3.823.338.240
- LNST chưa phân phối kì này	421b		28.986.892.538	35.658.737.822
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		1.589.859.187.274	1.658.388.168.126

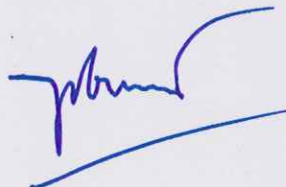
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2021

Người lập biểu



Nguyễn Thị Loan

Kế toán trưởng



Nguyễn Trường Vũ

Giám đốc



Lê Quốc Đạt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	206.019.742.102	178.004.863.632
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.1	206.019.742.102	178.004.863.632
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	101.270.737.029	61.377.883.551
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		104.749.005.073	116.626.980.081
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	704.903.809	1.802.580.655
7. Chi phí tài chính	22	6.4	45.650.515.566	53.102.724.141
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		45.650.515.566	53.102.724.141
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	18.120.249.147	22.217.761.530
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	5.486.707.925	6.028.941.606
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		36.196.436.244	37.080.133.459
11. Thu nhập khác	31	6.7	65.899.428	100.387.545
12. Chi phí khác	32	6.7	28.720.000	7.075.657
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		37.179.428	93.311.888
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		36.233.615.672	37.173.445.347
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	7.246.723.134	7.434.689.070
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		28.986.892.538	29.738.756.277
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	1.162	1.192

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2021

Người lập biểu



Nguyễn Thị Loan

Kế toán trưởng



Nguyễn Trường Vũ



Lê Quốc Đạt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		36.233.615.672	37.173.445.347
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		42.012.789.808	38.980.865.037
- Các khoản dự phòng	03		13.000.000.000	2.000.000.000
- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(759.449.264)	(1.802.580.655)
- Chi phí lãi vay	06		45.650.515.566	53.102.724.141
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		136.137.471.782	129.454.453.870
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(6.878.886.146)	(5.727.928.878)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(13.862.549.508)	(287.612.928)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(8.114.184.407)	2.162.303.678
- Tiền lãi vay đã trả	14		(45.650.515.566)	(53.102.724.141)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(6.041.540.217)	(6.687.759.604)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(1.749.325.000)	(2.871.900.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		53.840.470.938	62.938.831.997
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(5.850.167.736)	(10.140.655.477)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		404.545.455	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		704.903.809	1.802.580.655
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.740.718.472)	(8.338.074.822)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(77.368.000.000)	(37.684.000.000)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(24.489.546.900)	(24.410.064.900)
3. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(101.857.546.900)	(62.094.064.900)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(52.757.794.434)	(7.493.307.725)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5.1	70.664.029.094	101.441.405.576
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	5.1	17.906.234.660	93.948.097.851

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2021

Người lập biểu



Nguyễn Thị Loan

Kế toán trưởng



Nguyễn Trường Vũ



Lê Quốc Đạt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO được chuyển đổi từ Công ty TNHH BOT An Suong - An Lạc. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 4103008732 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 07/8/2020. Mã số doanh nghiệp được thay đổi thành 0302095576.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: IDICO INFRASTRUCTURE DEVELOPMENT INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt là: IDICO - IDI. JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6 ngày 07/8/2020 là 249.492.000.000 VND. (Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi chín tỷ, bốn trăm chín mươi hai triệu đồng).

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh. Mã cổ phiếu: HTI.

Trụ sở chính của Công ty tại Km 1906+700, Quốc lộ 1A, Khu phố 5, phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 30/6/2021 là 210 người. (tại ngày 30/6/2020 là 211 người).

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là Đầu tư các dự án BOT giao thông và Xây dựng công trình

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh theo đăng ký kinh doanh: Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế; Kinh doanh bất động sản; Sản xuất, lắp đặt, mua bán thiết bị ngành giao thông (không sản xuất tại trụ sở); Xây dựng nhà các loại; Thu gom rác không độc hại.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: Thu phí sử dụng đường bộ theo hợp đồng BOT số 3599/HĐ/GTVT/KHĐT ngày 27/11/2003, Phụ lục hợp đồng số 3979/2011/PLHĐ-B.O.T ngày 01/9/2011 có thời gian thu phí hoàn vốn 192 tháng (từ tháng 2/2017 đến hết tháng 1 năm 2033) (Giai đoạn 2) và Phụ lục Hợp đồng số 23969/2014/PLHĐ-B.O.T ngày 22/9/2014 có thời gian thu phí hoàn vốn 217 tháng tính từ thời điểm bắt đầu điều chỉnh giá vé thu phí của Dự án BOT từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/01/2033 (Giai đoạn 3), thi công xây lắp công trình dân dụng, giao thông và đầu tư các dự án hạ tầng giao thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2021, Công ty có đơn vị trực thuộc là Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO - Xí nghiệp Xây dựng IDICO - IDI.

Địa chỉ: 560A Quốc lộ 1A, Khu phố 6 - phường Bình Hưng Hòa B - quận Bình Tân - TP Hồ Chí Minh

Ngành nghề kinh doanh: Xây dựng.

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2012/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ là có thể so sánh được.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	12 - 20
Máy móc, thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04

Đối với tài sản cố định hình thành từ Dự án đầu tư B.O.T An Suong - An Lạc được khấu hao trong thời gian kể từ khi công trình, hạng mục công trình đưa vào thu phí tới hết thời gian thu phí, tuy nhiên, do đặc thù hoạt động, Công ty được trích khấu hao tài sản hình thành từ dự án B.O.T An Suong - An Lạc theo phương pháp phân bổ chi phí khấu hao tương ứng với doanh thu hàng năm, phù hợp với thời gian khai thác thu phí hoàn vốn của dự án và được thực hiện bắt đầu từ năm 2009 theo Công văn 390/BTC-TCDN ngày 08/01/2010 của Bộ Tài chính đến tháng 01/2017. Các hạng mục bổ sung của Dự án đầu tư B.O.T An Suong - An Lạc là Cầu vượt Hương lộ 2 và Cầu vượt Tỉnh lộ 10 - Tỉnh lộ 10B cũng được khấu hao theo Phương pháp phân bổ chi phí khấu hao tương ứng với doanh thu hàng năm theo tỷ lệ được quy định trong Phụ lục Hợp đồng B.O.T.

Tài sản cố định vô hình là phần mềm quản lý thu phí, quản lý doanh nghiệp được ghi nhận cơ sở giá gốc, khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian là 07 năm.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Tài sản thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoãn lại trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuế tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuế tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuế tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động thu phí sử dụng đường bộ được ghi nhận khi hoàn thành dịch vụ thu phí (thu tiền từ khách hàng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn cung cấp dịch vụ và giá vốn hoạt động xây lắp là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ và giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong kỳ; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động chính của Công ty là thu phí sử dụng đường bộ và chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO**
Km 1906+700, Quốc lộ 1A, Khu phố 5,
phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, Tp. HCM

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	4.528.568.254	4.293.451.224
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.046.428.517	6.965.936.870
Các khoản tương đương tiền (i)	12.331.237.889	59.404.641.000
Tổng	17.906.234.660	70.664.029.094

(i) Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam. Lãi suất tiền gửi bình quân là 3,5%/ năm đến 4,6%/ năm.

5.2 Phải thu của khách hàng

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty TNHH TM DV và xây dựng Thiên Vũ	6.524.141.199	-
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Đô thị Ngọc Viễn	4.273.236.269	4.273.236.269
Phải thu các khách hàng còn lại	240.010.000	163.770.000
Tổng	11.037.387.468	4.437.006.269

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
PHÁT TRIỂN HÀ TĂNG IDICO**
Km 1906+700, Quốc lộ 1A, Khu phố 5,
phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, Tp. HCM

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.3 Phải thu khác

a) Ngắn hạn
Tạm ứng
Ký cược ký quỹ
Bồi thường giải phóng mặt bằng Tân Kỳ Tân Quý
Phải thu khác
b) Dài hạn
Ký cược, ký quỹ
Tổng

Tại ngày 30/6/2021(VND)		Tại ngày 01/01/2021(VND)	
Giá trị ghi số	Dư phòng	Giá trị ghi số	Dư phòng
2.269.837.704	667.359.558	2.610.346.957	667.359.558
832.072.300	-	1.353.955.417	-
149.766.008	-	149.766.008	-
390.000.000	-	390.000.000	-
897.999.396	667.359.558	716.625.532	667.359.558
11.484.057	-	11.484.057	-
11.484.057	-	11.484.057	-
2.281.321.761	667.359.558	2.621.831.014	667.359.558

5.4 Nợ xấu

Ông Ngô Văn Quang
Ông Trương Bá Tông
Nợ xấu của các đối tượng khác
Tổng

Trong đó:

Ông Ngô Văn Quang
Ông Trương Bá Tông
Nợ xấu của các đối tượng khác

Tại ngày 30/6/2021(VND)

Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
116.574.900	-
325.977.668	-
301.875.593	-
744.428.161	-
Quá hạn 1-6 tháng	Quá hạn 6 - 1 năm
-	-
-	-
-	-

Tại ngày 01/01/2021(VND)

Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
116.574.900	-
325.977.668	-
301.875.593	-
744.428.161	-
Quá hạn 1-3 năm	Quá hạn trên 3 năm
-	116.574.900
-	325.977.668
-	301.875.593

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO**
Km 1906+700, Quốc lộ 1A, Khu phố 5,
phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, Tp. HCM

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.5 Hàng tồn kho

Tại ngày 30/6/2021(VND)		Tại ngày 01/01/2021(VND)	
Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
592.105.730	-	215.291.280	-
31.640.909	-	-	-
13.494.151.954	-	40.057.805	-
14.117.898.593	-	255.349.085	-

Nguyên liệu, vật liệu
Công cụ, dụng cụ
Chi phí Sản xuất kinh doanh dở dang (i)
Tổng

(i) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại ngày 30/6/2021 là chi phí Công trình sửa chữa, nâng cấp đường, vỉa hè và hạ tầng kỹ thuật Khu nhà ở tại xã Phong Phú, huyện Bình Chánh chưa nghiệm thu. Công ty ký với Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Xây dựng Thiên Vũ với giá trị hợp đồng (tạm tính đã bao gồm VAT 10%) là: 32.757.010.959 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
PHÁT TRIỂN HÀ TĂNG IDICO**

Km 1906+700, Quốc lộ 1A, Khu phố 5,
phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, Tp. HCM

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.6 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Đơn vị tính: VND	
				Thiết bị dung cụ quản lý	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2021	2.525.377.814.814	17.241.654.124	12.298.474.186	1.570.936.769	2.556.488.879.893
Tăng trong kỳ	-	154.407.000	-	1.188.581.030	1.342.988.030
Mua trong kỳ	-	154.407.000	-	73.655.000	228.062.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	1.114.926.030	1.114.926.030
Giảm trong kỳ	-	-	600.000.000	-	600.000.000
Thanh lý nhượng bán	-	-	600.000.000	-	600.000.000
Số dư tại ngày 30/6/2021	2.525.377.814.814	17.396.061.124	11.698.474.186	2.759.517.799	2.557.231.867.923
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại ngày 01/01/2021	1.106.442.531.439	10.054.491.825	7.762.719.595	1.250.151.928	1.125.509.894.787
Tăng trong kỳ	40.712.277.271	539.370.106	639.278.023	121.864.408	42.012.789.808
Khấu hao trong kỳ	40.712.277.271	539.370.106	639.278.023	121.864.408	42.012.789.808
Giảm trong kỳ	-	-	270.000.000	-	270.000.000
Thanh lý nhượng bán	-	-	270.000.000	-	270.000.000
Số dư tại ngày 30/6/2021	1.147.154.808.710	10.593.861.931	8.131.997.618	1.372.016.336	1.167.252.684.595
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày ngày 01/01/2021	1.418.935.283.375	7.187.162.299	4.535.754.591	320.784.841	1.430.978.985.106
Tại ngày ngày 30/6/2021	1.378.223.006.104	6.802.199.193	3.566.476.568	1.387.501.463	1.389.979.183.328

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30/6/2021 là 793.859.809.973 VND (ngày 31/12/2020: 791.263.157.443 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.7 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Phần mềm máy tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại ngày 01/01/2021	915.724.800	915.724.800
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2021	<u>915.724.800</u>	<u>915.724.800</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại ngày 01/01/2021	915.724.800	915.724.800
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2021	<u>915.724.800</u>	<u>915.724.800</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2021	-	-
Tại ngày 30/6/2021	<u>-</u>	<u>-</u>

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 30/6/2021 là 915.724.800 VND (tại ngày 31/12/2021 là: 915.724.800 VND).

5.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Dự án cầu Tân Kỳ Tân Quý, TPHCM	144.004.432.611	138.478.556.548
Sửa chữa lớn tài sản cố định (duy tu)	227.971.600	1.266.667.957
Tổng	<u>144.232.404.211</u>	<u>139.745.224.505</u>

5.9 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ - Trích dự phòng chi phí duy tu sửa chữa	9.790.768.530	9.790.768.530

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG IDICO**
Km 1906+700, Quốc lộ 1A, Khu phố 5,
phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, Tp. HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.10 Phải trả người bán

Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Tư Thiết Mộc
Công ty Cổ phần Công nghệ tự động Tâm Nhìn
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Phúc Tường Vinh
Công ty TNHH TM DV và xây dựng Thiên Vũ
Phải trả các đối tượng khác
Tổng

5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Phải nộp
Thuế GTGT
Thuế thu nhập doanh nghiệp
Thuế thu nhập cá nhân
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Mẫu số B 09a - DN
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Tại ngày 30/6/2021(VND)		Tại ngày 01/01/2021(VND)	
Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
1.894.227.387	1.894.227.387	649.907.152	649.907.152
909.095.601	909.095.601	909.095.601	909.095.601
-	-	10.814.524.934	10.814.524.934
-	-	2.304.633.218	2.304.633.218
8.362.368.436	8.362.368.436	3.812.803.573	4.462.710.725
11.165.691.424	11.165.691.424	18.490.964.478	19.140.871.630

Số phải nộp trong kỳ VND		Số đã nộp trong kỳ VND	
01/01/2021 VND	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND	30/6/2021 VND
4.178.916.648	23.344.323.548	22.745.262.860	4.777.977.336
1.286.974.782	15.248.920.656	15.411.743.194	1.124.152.244
2.434.814.087	7.246.723.134	6.041.540.217	3.639.997.004
457.127.779	844.679.758	1.287.979.449	13.828.088
-	4.000.000	4.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.12 Các khoản phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	847.451.228	860.844.482
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.156.856.470	25.646.403.370
Các khoản phải trả, phải nộp khác	353.262.862	189.726.329
<i>Phải trả các đội thi công của Công ty</i>	<i>61.373.590</i>	<i>61.333.590</i>
<i>Phải trả phải nộp khác</i>	<i>291.889.272</i>	<i>128.392.739</i>
Tổng	2.357.570.560	26.696.974.181

5.13 Dự phòng phải trả

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Chi phí duy tu bảo dưỡng các hạng mục trên tuyến Quốc lộ 1A đoạn An Sương - An Lạc	208.815.370.616	195.815.370.616
Tổng	208.815.370.616	195.815.370.616

Dự phòng phải trả ngắn hạn và dài hạn trích theo dự toán chi phí sửa chữa vừa và sửa chữa lớn theo chu kỳ các hạng mục trên tuyến Quốc lộ 1A đoạn An Sương - An Lạc theo Phương án tài chính kèm theo phụ lục trong Phụ lục hợp đồng B.O.T và đánh giá của Ban Giám đốc chi phí dự kiến phát sinh.

Trong 6 tháng đầu năm 2021, Công ty tạm trích chi phí dự phòng phải trả chi phí sửa chữa số tiền là 13.000.000.000 VND. Số dư khoản dự phòng phải trả tại ngày 30/6/2021 là dự phòng phải trả chi phí duy tu bảo dưỡng dự kiến sẽ phát sinh từ năm 2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.14 Các khoản vay dài hạn

	Tại ngày 30/6/2021 (VND)		Trong kỳ (VND)		Tại ngày 01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn						
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	876.363.201.706	876.363.201.706	-	77.368.000.000	953.731.201.706	953.731.201.706
- Chi nhánh Đồng Nai	876.363.201.706	876.363.201.706	-	77.368.000.000	953.731.201.706	953.731.201.706
- <i>Hợp đồng tín dụng 1801-LAV-201101490 (i)</i>	35.469.000.000	35.469.000.000	-	70.000.000.000	105.469.000.000	105.469.000.000
- <i>Hợp đồng tín dụng 1801-LAV-201402329 (ii)</i>	269.358.797.625	269.358.797.625	-	5.368.000.000	274.726.797.625	274.726.797.625
- <i>Khế ước vay số 1801-LDS-201700141 (iii)</i>	483.681.418.758	483.681.418.758	-	2.000.000.000	485.681.418.758	485.681.418.758
- <i>Khế ước vay số 1801-LAV-201800257 (iv)</i>	87.853.985.323	87.853.985.323	-	-	87.853.985.323	87.853.985.323
Tổng	876.363.201.706	876.363.201.706	-	77.368.000.000	953.731.201.706	953.731.201.706

(i) Vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số 1801-LAV-201101490 ngày 18/10/2011. Số tiền vay theo hợp đồng 630.469.000.000 đồng. Mục đích vay để đầu tư xây dựng các hạng mục bổ sung thuộc dự án cải tạo nâng cấp Quốc Lộ 1A đoạn An Suong - An Lạc theo phụ lục hợp đồng BOT số 3979/2011/PLHD-B.O.T ngày 01/09/2011 của Hợp đồng điều chỉnh B.O.T số 3599/HD/GTVT/KHĐT ngày 27/11/2003. Thời hạn vay là 9,5 năm (thời gian gia hạn gốc 2,5 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên và thời gian trả nợ gốc là 7 năm kể từ ngày kết thúc thời gian gia hạn). Lãi suất cho vay theo công bố của Eximbank. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền thu phí giao thông trên toàn bộ tuyến Quốc lộ 1 đoạn An Suong - An Lạc (Km 1901-Km 1915) địa phận Tp. Hồ Chí Minh và các quyền, lợi ích khác phát sinh theo Phụ lục Hợp đồng số 3979/2011/PLHD-B.O.T ngày 01/9/2011 của Hợp đồng điều chỉnh B.O.T số 3599/HD/GTVT/KHĐT ngày 27/11/2003.

(ii) Vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số 1801-LAV-201402329 ngày 23/9/2014. Số tiền vay theo hợp đồng 320.446.000.000 đồng. Mục đích vay để đầu tư bổ sung công trình xây dựng nút giao thông tại giao lộ Quốc lộ 1/Hương lộ 2 (giai đoạn 3) thuộc dự án BOT cải tạo nâng cấp Quốc lộ 1, đoạn An Suong - An Lạc. Thời hạn cho vay là 174 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Thời gian ân hạn 09 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Lãi suất đang áp dụng 11% cho 12 tháng đầu, sau đó lãi suất cho vay bằng lãi tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng, trả lãi cuối kỳ do Eximbank công bố có hiệu lực kể từ ngày giải ngân công 3,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ Quyền thu phí giao thông trên toàn bộ tuyến Quốc lộ 1 đoạn An Suong - An Lạc (Km 1901-Km 1915) địa phận Thành phố Hồ Chí Minh và các quyền, lợi ích khác phát sinh theo Hợp đồng điều chỉnh B.O.T số 3599/HD/GTVT/KHĐT ngày 27/11/2003; Phụ lục Hợp đồng số 3979/2011/PLHD-B.O.T ngày 01/09/2011 và Phụ lục Hợp đồng 2 số 23969/PLHD-B.O.T ngày 22/9/2014.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
PHÁT TRIỂN HÀ TANG IDICO**

Km 1906+700, Quốc lộ 1A, Khu phố 5,

phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, Tp. HCM

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.14 Các khoản vay dài hạn (Tiếp theo)

(iii) Vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số 1801-LAV-201700141 ngày 15/02/2017 tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai. Số tiền vay: 509.856.000.000 đồng. Mục đích vay: “*Đề đầu tư cho dự án Đầu tư Công trình Xây dựng bổ sung nút giao khác mức tại giao lộ Quốc lộ 1 - đường Lê Trọng Tấn - đường Nguyễn Thị Tú thuộc dự án BOT Cải tạo quốc lộ 1, đoạn An Suông - An Lạc*”. Thời hạn giải ngân: đối đa đến ngày 15/05/2020, thời gian ân hạn 39 tháng kể từ ngày giải ngân, thời hạn cho vay từng lần giải ngân 9,1% trong thời gian thi công, sau thời gian thi công lãi suất cho vay bằng lãi suất công bố có hiệu lực tại thời điểm giải ngân + 3,3%/năm. Tài sản đảm bảo: “Toàn bộ quyền thu phí giao thông trên toàn bộ tuyến Quốc lộ 1 đoạn An Suông - An Lạc (Km 1901-1915) địa phận Tp. Hồ Chí Minh và các quyền, lợi ích khác phát sinh khác theo hợp đồng B.O.T.

(iv) Vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số 1801-LAV-201800257 ngày 14/03/2018 tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai. Số tiền vay: 350.460.000.000 đồng. Mục đích vay: “*Đầu tư xây dựng bổ sung cầu mới Tân Kỳ Tân Quý thuộc dự án BOT Cải tạo nâng cấp Quốc lộ 1A đoạn An Suông - An Lạc*”. Thời hạn giải ngân: đối đa đến ngày 15/05/2022, thời gian ân hạn 51 tháng kể từ ngày giải ngân, thời hạn cho vay 132 tháng. Lãi suất cho vay áp dụng cho từng lần giải ngân bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 12 tháng, trả lãi cuối kỳ do Eximbank công bố có hiệu lực tại thời điểm giải ngân cộng biên độ 3,5%/năm. Tài sản đảm bảo: “Toàn bộ quyền thu phí giao thông trên toàn bộ tuyến Quốc lộ 1 đoạn An Suông - An Lạc (Km 1901-1915) địa phận Tp. Hồ Chí Minh và các quyền, lợi ích khác phát sinh khác theo hợp đồng B.O.T.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.15 Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2020	249.492.000.000	164.586.458.199	44.944.421.459	459.022.879.658
Tăng trong năm	-	-	60.607.937.822	60.607.937.822
Lãi trong năm trước	-	-	60.607.937.822	60.607.937.822
Giảm trong năm	-	-	66.070.283.219	66.070.283.219
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	11.182.043.219	11.182.043.219
Chia cổ tức năm 2019	-	-	29.939.040.000	29.939.040.000
Tạm ứng cổ tức năm 2020 (i)	-	-	24.949.200.000	24.949.200.000
Số dư tại ngày 31/12/2020	249.492.000.000	164.586.458.199	39.482.076.062	453.560.534.261
Số dư tại ngày 01/01/2021	249.492.000.000	164.586.458.199	39.482.076.062	453.560.534.261
Tăng trong kỳ	-	-	28.986.892.538	28.986.892.538
Lãi trong kỳ này	-	-	28.986.892.538	28.986.892.538
Giảm trong kỳ (i)	-	-	2.424.238.135	2.424.238.135
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	2.424.238.135	2.424.238.135
Số dư tại ngày 30/6/2021	249.492.000.000	164.586.458.199	66.044.730.465	480.123.188.664

(i) Trong kỳ, Công ty đã thực hiện phân phối lợi theo Nghị quyết số 01/NQĐHCHĐ ngày 27/4/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 như sau:

- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 3% trên lợi nhuận sau thuế năm 2020;

- Trích quỹ thưởng Ban điều hành 1% trên lợi nhuận sau thuế năm 2020;

- Chia cổ tức bằng tiền 20% trên vốn điều lệ. Trong đó: Đã tạm ứng 10% trong năm 2020, còn lại 10% Công ty có Thông báo số 129/TB ngày 15/6/2021 về ngày đăng ký cuối cùng để nhận cổ tức đợt 2 năm 2020 bằng tiền là ngày 05/7/2021. Theo đó, Công ty sẽ hạch toán giảm lợi chưa phân phối vào tháng 7 năm 2021 với giá trị tương ứng là: 24.949.200.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.15 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

Đối tượng	Tại ngày 30/6/2021			Tại ngày 01/01/2021		
	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá (VND)
Tổng công ty IDICO - CTCP	57,50%	14.345.790	143.457.900.000	47,50%	11.850.870	118.508.700.000
Công ty CP Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị IDICO	-	-	-	10,00%	2.494.920	24.949.200.000
Vốn góp của đối tượng khác	42,50%	10.603.410	106.034.100.000	42,50%	10.603.410	106.034.100.000
Tổng	100%	24.949.200	249.492.000.000	100%	24.949.200	249.492.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	249.492.000.000	249.492.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày 30 tháng 6	249.492.000.000	249.492.000.000
Cổ tức đã chia thuộc lợi nhuận năm 2019	-	29.939.040.000
Trích quỹ KTPL thuộc lợi nhuận năm 2019	-	11.182.043.219
Cổ tức đã chia thuộc lợi nhuận năm 2020	24.949.200.000	-
Trích quỹ KTPL thuộc lợi nhuận năm 2020	2.424.238.135	-

d. Cổ phiếu

	30/6/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.949.200	24.949.200
Cổ phiếu phổ thông	24.949.200	24.949.200
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Quỹ đầu tư phát triển	164.586.458.199	164.586.458.199
Tổng	164.586.458.199	164.586.458.199

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	192.780.259.066	178.004.863.632
Doanh thu hợp đồng xây dựng	13.239.483.036	-
Tổng	206.019.742.102	178.004.863.632

6.2 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Giá vốn thu cước đường bộ	88.296.043.654	61.377.883.551
Giá vốn hoạt động xây lắp	12.974.693.375	-
Tổng	101.270.737.029	61.377.883.551

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	704.903.809	1.802.580.655
Tổng	704.903.809	1.802.580.655

6.4 Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Lãi tiền vay	45.650.515.566	53.102.724.141
Tổng	45.650.515.566	53.102.724.141

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

6.5 Chi phí bán hàng

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Chi phí nhân viên	13.355.137.070	17.167.838.832
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	667.691.900	688.752.889
Chi phí dùng cụ, đồ dùng	430.127.272	79.697.588
Chi phí khấu hao TSCĐ	800.500.573	933.723.969
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.512.117.151	3.104.902.525
Chi phí bằng tiền khác	354.675.181	242.845.727
Tổng	18.120.249.147	22.217.761.530

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.653.748.615	3.244.882.397
Chi phí vật liệu quản lý	160.732.119	89.653.894
Chi phí đồ dùng văn phòng	46.603.103	28.948.540
Chi phí khấu hao TSCĐ	243.144.238	333.738.528
Thuế phí và lệ phí	174.444.441	152.456.966
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.010.865.133	879.222.455
Chi phí bằng tiền khác	1.197.170.276	1.300.038.826
Tổng	5.486.707.925	6.028.941.606

6.7 Lợi nhuận khác

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Thu nhập khác		
Thu thanh lý Tài sản cố định	54.545.455	-
Các khoản khác	11.353.973	100.387.545
Tổng	65.899.428	100.387.545
Chi phí khác		
Các khoản khác	28.720.000	7.075.657
Tổng	28.720.000	7.075.657
Lợi nhuận khác thuần	37.179.428	93.311.888

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	36.233.615.672	37.173.445.347
Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:	-	-
Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:	-	-
2. Thu nhập tính thuế	36.233.615.672	37.173.445.347
2.1 Thu nhập từ hoạt động khác	264.789.661	-
- Thuế suất	20%	20%
- Thuế TNDN phải nộp	52.957.932	-
2.2 Thu nhập hoạt động thu phí	35.968.826.011	37.173.445.347
- Thuế suất	20%	20%
- Thuế TNDN phải nộp	7.193.765.202	7.434.689.070
3. Chi phí thuế TNDN hiện hành	7.246.723.134	7.434.689.070

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	28.986.892.538	29.738.756.277
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	28.986.892.538	29.738.756.277
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	24.949.200	24.949.200
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	1.162	1.192

Tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ, công ty chưa ước tính một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ thưởng Ban điều hành.

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	21.574.949.933	7.280.913.781
Chi phí nhân công	19.106.311.895	30.812.192.097
Chi phí khấu hao tài sản cố định	42.012.789.808	38.980.865.037
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.585.561.377	10.706.915.391
Chi phí khác bằng tiền	17.598.081.088	1.843.700.381
Tổng	124.877.694.101	89.624.586.687

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Danh sách các bên liên quan

Stt	Bên liên quan	Mối quan hệ	Tên viết tắt
1	Tổng công ty IDICO - CTCP	Công ty mẹ	IDICO
2	Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và phát triển vật liệu IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - MCI
3	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển nhà và đô thị IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - UDICO
4	Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Long An IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - LINCO
5	Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng dầu khí IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - CONAC
6	Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng số 10 IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - INCO 10
7	Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - INCON
8	Công ty TNHH MTV Phát triển đô thị và KCN IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - URBIZ
9	Công ty Cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - SHP
10	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - IDI
11	Công ty TNHH MTV Xây dựng IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - ICC
12	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Quế Võ IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - QUE VO
13	Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng Thái Bình IDICO	Đơn vị cùng IDICO	IDICO - TCC
14	Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng lắp máy IDICO	Đơn vị cùng IDICO	LAMA IDICO
15	Chi nhánh Tổng Công ty IDICO - CTCP tại Miền Đông	Chi nhánh thuộc IDICO	IDICO - IEB
16	Ông Nguyễn Hồng Hải	Chủ tịch HĐQT	
17	Ông Nguyễn Hồng Ninh	Nguyên thành viên HĐQT	
18	Lê Quốc Đạt	Thành viên HĐQT	
19	Ông Khương Quốc Bình	Thành viên HĐQT	
20	Bà Trần Thúy Hương	Nguyên thành viên HĐQT	
21	Ông Nguyễn Anh Dũng	Thành viên HĐQT	
22	Ông Trần Quốc Toàn	Thành viên ĐL HĐQT	
23	Ông Nguyễn Vũ Minh Hồng	Nguyên thành viên ĐL HĐQT	
24	Ông Nguyễn Văn Thọ	Trưởng BKS, người được ủy quyền CBTT	
25	Ông Nguyễn Đăng Thanh	Thành viên BKS	
26	Bà Nguyễn Thị Minh Phương	Thành viên BKS	
27	Ông Nguyễn Hồng Ninh	Nguyên Giám đốc	
28	Ông Lê Quốc Đạt	Giám đốc	
29	Ông Bùi Văn Dân	Phó Giám đốc	
30	Ông Khương Quốc Bình	Phó Giám đốc	
31	Ông Đoàn Văn Hùng	Phó Giám đốc	
32	Ông Nguyễn Văn Thọ	Nguyên Kế toán trưởng	
33	Ông Nguyễn Trường Vũ	Kế toán trưởng	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

7.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

a) Thù lao Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020
		VND	VND
Ông Nguyễn Hồng Hải	Chủ tịch HĐQT	61.000.000	85.000.000
Ông Nguyễn Hồng Ninh	Nguyên thành viên HĐQT	-	74.000.000
Lê Quốc Đạt	Thành viên HĐQT	51.000.000	4.000.000
Ông Khương Quốc Bình	Thành viên HĐQT	51.000.000	78.000.000
Bà Trần Thúy Hương	Nguyên thành viên HĐQT	43.000.000	78.000.000
Ông Nguyễn Anh Dũng	Thành viên HĐQT	51.000.000	78.000.000
Ông Trần Quốc Toàn	Thành viên ĐL HĐQT	8.000.000	-
Ông Nguyễn Vũ Minh Hồng	Nguyên thành viên ĐL HĐQT	43.000.000	4.000.000
Tổng		308.000.000	401.000.000

b) Lương, thù lao và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020
		VND	VND
Ông Nguyễn Văn Thọ	Trưởng BKS, người được ủy quyền CBTT	241.672.872	40.348.812
Ông Nguyễn Đăng Thanh	Thành viên BKS	30.000.000	71.000.000
Bà Nguyễn Thị Minh Phương	Thành viên BKS	30.000.000	39.000.000
Tổng		301.672.872	150.348.812

c) Thu nhập Ban Giám đốc và người quản lý khác

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020
		VND	VND
Ông Nguyễn Hồng Ninh	Nguyên Giám đốc	-	312.348.560
Ông Lê Quốc Đạt	Giám đốc	300.029.146	243.271.909
Ông Bùi Văn Dân	Phó Giám đốc	251.955.282	243.271.909
Ông Khương Quốc Bình	Phó Giám đốc	241.672.872	243.271.909
Ông Đoàn Văn Hùng	Phó Giám đốc	248.710.048	-
Ông Nguyễn Văn Thọ	Nguyên Kế toán trưởng	-	150.163.839
Ông Nguyễn Trường Vũ	Kế toán trưởng	229.253.532	114.696.766
Tổng		1.271.620.880	1.307.024.892

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

7.2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

d) Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020
		VND	VND
Giao dịch mua		-	45.369.094
IDICO - INCON	Giám sát thi công	-	45.369.094
Cổ tức đã chia		11.850.870.000	-
IDICO	Cổ tức đã chia	11.850.870.000	-

e) Số dư phải trả các bên liên quan

Bên liên quan	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải trả cho người bán	167.545.427	167.545.427
IDICO - INCON	167.545.427	167.545.427
Phải trả ngắn hạn khác	-	11.850.870.000
IDICO	-	11.850.870.000

7.3. Các cam kết

Tại ngày 30/6/2021, Công ty có khoản cam kết đầu tư vào dự án công trình xây dựng bổ sung cầu mới Tân Kỳ Tân Quý thuộc dự án BOT Cải tạo nâng cấp Quốc lộ 1 đoạn An Suông An Lạc theo phụ lục hợp đồng BOT số 1279/2018/PLHĐ-BOT ngày 11/01/2018. Tổng mức đầu tư của dự án là: 312.702.000.000 VND, giá trị đã thực hiện của dự án là: 144.004.432.611 VND

7.4. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Nguyễn Thị Loan

Nguyễn Trường Vũ

Lê Quốc Đạt